

Vietnam Daily Review

Thị trường tăng điểm nhẹ

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 14/12/2021		•	
Tuần 13/12-17/12/2021		•	
Tháng 12/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Mở cửa phiên sáng với gap tăng 10 điểm, bất chấp nhiều lần gặp phải áp lực chốt lời, VN-Index vẫn tiến thêm được gần 10 điểm nữa. Tuy nhiên, khi "đụng mặt" vùng kháng cự cũ 1480, chỉ số này đã “quay xe” và đóng cửa tại mốc 1476 điểm, cao hơn gần 13 điểm so với phiên hôm trước. Thanh khoản có cải thiện so với phiên thứ 6 tuần trước nhưng vẫn còn khiêm tốn và chưa vượt qua được đường trung bình 20 phiên. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với số mã tăng gấp đôi số mã giảm. 16/19 ngành phủ sắc xanh trong phiên hôm nay, trong đó tông màu xanh đậm nhất thuộc về ngành Ô tô và phụ tùng với mức tăng gần 5%. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX và mua ròng trên sàn HNX với giá trị đồng thời xấp xỉ 45.9 tỷ. Có thể nói dòng tiền vẫn ủng hộ đà tăng của thị trường. Tính đến hiện tại chưa có chứng ngại vật gì đáng kể trên con “đường vượt đỉnh 1500” của VN-Index.

Hợp đồng tương lai: Ngoại trừ HĐ VN30F2206 giảm điểm thì các HĐTL còn lại đều tăng theo nhịp vận động của chỉ số VN30.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 13/12/2021, các chứng quyền phân hóa theo nhịp vận động các cổ phiếu cơ sở.

Phân tích kỹ thuật: GEX_Tín hiệu tích cực (Trang 2)

Điểm nhấn

- VN-Index +12.67 điểm, đóng cửa 1,476.21 điểm. HNX-Index +6.81 điểm, đóng cửa 457.56 điểm.
- Kéo chỉ số tăng: VHM (+1.34), GVR (+1.02), BID (+0.93), HVN (+0.74), MSN (+0.69).
- Kéo chỉ số giảm: VPB (-0.45), TPB (-0.45), VCB (-0.38), NVL (-0.34), HDB (-0.33).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 23,570 tỷ đồng, tăng 6.7% so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 25,903 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 11 điểm. Thị trường có 312 mã tăng, 49 mã tham chiếu và 145 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: -45.92 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm HPG (-94.16 tỷ), GEX (-69.89 tỷ), NLG (-68.50 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị 45.93 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

VN-INDEX 1476.21
Giá trị: 23569.86 tỷ 12.67 (0.87%)
Khối ngoại (ròng): -45.92 tỷ

HNX-INDEX 457.56
Giá trị: 2935.72 tỷ 6.81 (1.51%)
Khối ngoại (ròng): 45.93 tỷ

UPCOM-INDEX 112.30
Giá trị: 1699.43 tỷ 0.49 (0.44%)
Khối ngoại(ròng): 12.37 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	72.1	0.66%
Giá vàng	1,787	0.24%
Tỷ giá USD/VND	22,971	-0.23%
Tỷ giá EUR/VND	25,916	-0.54%
Tỷ giá JPY/VND	20,234	-0.32%
LS liên NH 1 tháng	1.1%	14.37%
LS TPCP 5 năm	0.8%	-11.11%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VIC	85.0	HPG	-94.2
VNM	31.1	GEX	-69.9
VRE	30.9	NLG	-68.5
VHM	30.1	VPB	-55.4
VND	27.8	TCH	-51.5
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 2
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Khuyến nghị dài hạn	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Phân tích kỹ thuật
GEX_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ âm, MACD đang nằm dưới đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: GEX đang hình thành xu hướng hồi phục từ ngưỡng đáy 20.5. Thanh khoản cổ phiếu vượt duy trì tại ngưỡng trung bình 20 phiên, cho thấy cổ phiếu đang hấp dẫn dòng tiền. Chỉ báo MACD vẫn đang nằm ở xu hướng điều chỉnh nhưng chỉ báo RSI đang hướng về xu hướng tích cực. Đường giá cổ phiếu cũng đang hướng về ngưỡng MA20, cho thấy tín hiệu vận động tích cực. Nhà đầu tư trung hạn có thể mở vị thế tại ngưỡng 40.3, chốt lãi tại ngưỡng 48.0 và cắt lỗ nếu cổ phiếu mất ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 38.3.

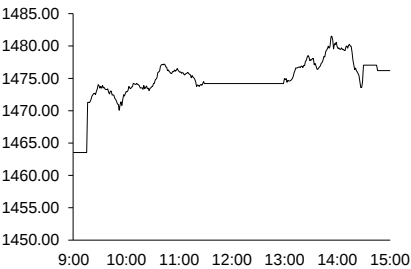
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Ô tô và phụ tùng	4.88%
Du lịch và Giải trí	2.94%
Y tế	2.45%
Xây dựng và Vật liệu	2.44%
Hóa chất	1.77%
Bất động sản	1.45%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.44%
Dịch vụ tài chính	1.32%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.14%
Bảo hiểm	1.01%
Thực phẩm và đồ uống	1.00%
Dầu khí	0.75%
Bán lẻ	0.68%
Công nghệ Thông tin	0.63%
Tài nguyên Cơ bản	0.58%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.34%
Viễn thông	0.00%
Ngân hàng	-0.26%
Truyền thông	-0.49%

Hình 1

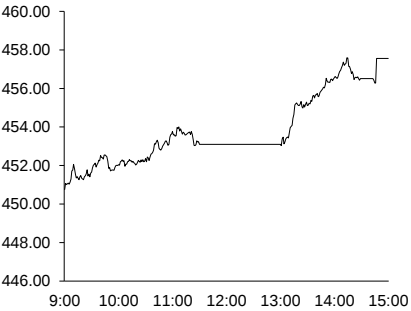
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thông kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

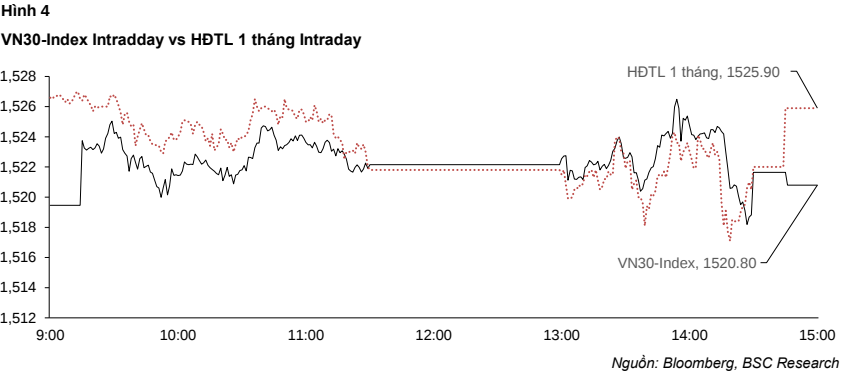
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
10/12/2021	CTI	22.65	27	21.5	24	3	5.96%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/12/2021	NT2	24	26.5	23	24.4	4	1.67%	Có thể tiếp tục mua
8/12/2021	PVC	14.8	18	14	14.8	5	0.00%	Có thể tiếp tục mua
7/12/2021	POW	14.85	17.5	13.75	16.2	6	9.09%	Có thể tiếp tục mua
6/12/2021	G36	23.6	30.5	20.5	24.2	7	2.54%	Có thể tiếp tục mua
2/12/2021	HDC	97.9	120	95	105.8	11	8.07%	Có thể tiếp tục mua
30/11/21	CTD	80	92.5	73	90.5	13	13.13%	Cần nhắc không mua thêm (**)
25/11/21	PDR	94.2	108.3	90	98.3	18	4.35%	Có thể tiếp tục mua
16/11/21	NTP	62.8	72.1	59.5	61	27	-2.87%	Có thể giữ nguyên vị thế
15/11/21	MWG	139.4	154.5	132	134.9	28	-3.23%	Có thể giữ nguyên vị thế
10/11/2021	HT1	25.5	29.3	23	25.5	33	0.00%	Có thể tiếp tục mua
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thông kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
3/12/2021	C69	22	26.5	19.8	SL	3	-10.00%
1/12/2021	VGТ	26.9	33.7	24	SL	5	-10.78%
29/11/21	HHV	24.3	28.7	23.2	SL	7	-4.53%
26/11/21	FCN	18.6	23.95	17.3	TP	13	28.76%
24/11/21	FPT	97.9	112	95.3	SL	12	-2.66%
23/11/21	VJC	132	142.2	126	SL	6	-4.55%
22/11/21	DNW	27	30.3	26.5	SL	7	-1.85%
19/11/21	CSM	22.4	26.5	21	SL	6	-6.25%
18/11/21	PAN	40	46	37	SL	18	-7.50%
17/11/21	TCM	80.4	95	77.2	SL	12	-3.98%
14/11/21	TIP	52.2	60.5	50.8	SL	8	-2.68%
11/11/2021	VCG	44.25	50.5	42	TP	19	14.12%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	9	2	4.98%	-3.05%	3.52%	14
Cổ phiếu đã chốt	220	147	14.47%	-7.60%	5.63%	25

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2112	1525.90	0.36%	5.10	-30.9%	113,349	12/16/2021	5
VN30F2201	1519.60	0.07%	-1.20	124.9%	1,754	1/20/2022	40
VN30F2203	1517.10	0.37%	-3.70	36.3%	496	3/17/2022	96
VN30F2206	1515.00	-0.03%	-5.80	-6.1%	46	6/16/2022	187

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 tăng 1.34 điểm lên 1520.80 điểm. Các cổ phiếu như VHM, MSN, KDH, MWG, VJC, SSI tác động tích cực đến vận động của VN30. VN30 tăng điểm khá mạnh trong phiên giao dịch hôm nay và quay trở lại ngưỡng 1530 điểm. Xu hướng vận động dự kiến sẽ hướng về ngưỡng 1550 điểm trong các phiên giao dịch tới.
- Ngoại trừ HĐ VN30F2206 giảm điểm thì các HĐTL còn lại đều tăng theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Xét về khối lượng giao dịch, HĐTL VN30F2112 và VN30F2206 giảm, các HĐ còn lại tăng. Xét về vị thế mở, các HĐ đều tăng, HĐ VN30F2206 và VN30F2203 tăng, các HĐ còn lại giảm. Điểm số hầu hết các HĐTL tăng và số lượng hợp đồng mở suy giảm ở HĐTL ngắn hạn đang cho thấy dòng tiền đang đóng dần vị thế tại các HĐ ngắn hạn khi mà tuần này đáo hạn HĐTL VN30F2112. Các nhà đầu tư nên thận trọng giao dịch trong những phiên cuối đáo hạn HĐLT này.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CPNJ2108	2/10/2022	59	14:1	38,400	30.52%	1,500	820	13.89%	426	1.92	111,980	97,000	98,500
CVJC2101	1/6/2022	24	5:1	119,300	21.60%	3,550	1,840	8.24%	1,369	1.34	135,650	120,000	125,800
CKDH2107	4/27/2022	135	8:1	216,800	33.51%	1,300	1,280	7.56%	981	1.30	68,208	43,888	49,600
CVJC2103	4/27/2022	135	20:1	163,600	21.60%	1,500	820	6.49%	286	2.87	162,199	129,999	125,800
CVRE2105	5/4/2022	142	5:1	74,600	34.50%	1,200	1,060	6.00%	619	1.71	34,400	30,000	30,450
CVHM2112	2/10/2022	59	10:1	133,800	29.15%	1,500	950	5.56%	327	2.91	89,300	84,000	82,100
CPNJ2104	1/7/2022	25	8:1	169,400	30.52%	2,400	390	5.41%	55	7.13	127,000	110,000	98,500
CVHM2109	2/10/2022	59	3.79:1	332,400	29.15%	2,500	550	3.77%	81	6.81	99,450	98,654	82,100
CMWG2110	1/26/2022	44	12:1	175,300	32.13%	2,500	930	3.33%	709	1.31	149,360	131,000	134,900
CVRE2109	3/7/2022	84	4:1	140,700	34.50%	1,100	1,200	1.69%	736	1.63	42,480	29,000	30,450
CHPG2113	3/7/2022	84	4:1	188,700	34.91%	2,400	1,350	-0.74%	374	3.60	62,980	51,500	46,550
CVHM2110	3/7/2022	84	7.58:1	79,700	29.15%	1,800	1,330	-0.75%	486	2.74	90,762	84,994	82,100
CHPG2116	7/6/2022	205	4:1	27,600	34.91%	2,830	1,560	-1.27%	310	5.03	65,530	61,410	46,550
CFPT2105	1/6/2022	24	4.94:1	321,700	25.24%	3,500	2,400	-3.23%	2,274	1.06	100,935	86,000	96,000
CSTB2110	4/27/2022	135	8:1	213,100	41.73%	1,000	590	-4.84%	317	1.86	38,399	29,999	28,650
CHDB2103	4/27/2022	135	8:1	134,600	37.11%	1,000	910	-7.14%	443	2.06	55,608	28,888	30,050
CFPT2107	1/26/2022	44	12:1	336,200	25.24%	1,500	530	-8.62%	226	2.35	111,800	98,000	96,000
CVIC2104	1/7/2022	25	8.88:1	139,700	29.11%	2,000	520	-8.77%	106	4.91	140,600	124,000	103,200
CVNM2106	1/13/2022	31	4.91:1	137,500	20.52%	4,000	270	-10.00%	7	36.29	120,450	100,000	86,400
CMBB2103	1/7/2022	25	1.48:1	176,100	33.18%	3,000	280	-26.32%	7	42.49	35,555	47,000	28,400
Tổng				3,280,800	30.25%**								
Chú thích:													
Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi							
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn							
**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes							

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 13/12/2021, các chứng quyền phân hóa theo nhịp vận động các cổ phiếu cơ sở.
- CMWG2112 và CMBB2103 tăng trưởng tốt nhất, lần lượt là 16.39% và 15.07%. Giá trị giao dịch tăng mạnh 44.28%. CMWG2110 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 11.90% thị trường.
- CMSN2104, CMSN2105, CKDH2104, CMWG2104 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CPNJ2109, CPNJ2108, CVIC2106 và MBB2106 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMWG2107, CMWG2104, CMWG2109 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
VHM	82.10	1.48	1.39
MSN	156.00	1.50	1.18
KDH	49.60	3.77	0.82
MWG	134.90	0.60	0.40
VJC	125.80	1.04	0.38

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
VPB	35.4	-1.12	-1.26
TPB	50.5	-2.88	-1.15
HDB	30.1	-2.12	-0.99
NVL	112.1	-0.80	-0.51
TCB	50.0	-0.40	-0.50

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	134.9	0.6%	0.9	4,181	3.8	6,130	22.0	5.1	49.0%	25.2%
PNJ	Bán lẻ	98.5	1.2%	1.0	974	1.6	4,214	23.4	4.0	47.2%	18.3%
BVH	Bảo hiểm	59.2	0.7%	1.4	1,911	1.7	2,473	23.9	2.1	26.4%	8.9%
PVI	Bảo hiểm	48.2	0.4%	0.5	491	0.3	4,211	11.4	1.5	56.8%	13.7%
VIC	Bất động sản	103.2	0.1%	0.7	17,074	18.2	1,248	82.7	3.9	13.5%	5.1%
VRE	Bất động sản	30.5	0.3%	1.1	3,008	10.5	954	31.9	2.3	29.7%	7.4%
VHM	Bất động sản	82.1	1.5%	1.0	15,543	23.2	8,287	9.9	4.1	23.2%	40.3%
DXG	Bất động sản	34.1	3.2%	1.3	884	15.0	1,299		2.4	26.3%	10.3%
SSI	Chứng khoán	53.4	0.8%	1.5	2,281	35.9	2,172	24.6	3.9	38.8%	19.4%
VCI	Chứng khoán	77.3	1.4%	1.0	1,119	7.6	4,165	18.6	4.1	20.6%	26.7%
HCM	Chứng khoán	44.7	2.1%	1.6	889	6.7	2,651	16.9	3.5	41.9%	22.1%
FPT	Công nghệ	96.0	0.2%	0.9	3,788	3.8	4,443	21.6	5.1	49.0%	25.1%
FOX	Công nghệ	74.0	0.0%	0.4	1,056	0.1	4,304	17.2	5.1	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	98.0	1.4%	1.3	8,155	3.1	4,283	22.9	3.8	2.7%	17.6%
PLX	Dầu khí	53.7	0.8%	1.5	2,967	3.1	2,650	20.3	2.8	17.1%	14.2%
PVS	Dầu khí	26.9	1.1%	1.7	559	7.8	1,186	22.7	1.0	7.2%	4.6%
BSR	Dầu khí	22.1	2.3%	0.8	2,979	6.0	(909)		2.2	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	133.2	7.0%	0.3	757	0.3	6,020	22.1	4.8	54.3%	22.6%
DPM	Hóa chất	50.0	-1.0%	0.9	851	5.8	4,018	12.4	2.2	9.3%	18.6%
DCM	Hóa chất	37.4	-0.8%	0.7	860	6.2	1,701	22.0	3.0	5.2%	13.7%
VCB	Ngân hàng	99.6	-0.4%	1.1	16,061	4.5	5,697	17.5	3.4	23.6%	20.8%
BID	Ngân hàng	45.5	2.0%	1.3	7,957	4.9	2,449	18.6	2.2	16.7%	12.2%
CTG	Ngân hàng	33.5	-0.1%	1.3	7,000	11.9	3,449	9.7	1.7	25.3%	18.6%
VPB	Ngân hàng	35.4	-1.1%	1.2	6,842	17.9	2,781	12.7	2.5	15.2%	21.9%
MBB	Ngân hàng	28.4	0.2%	1.2	4,665	10.9	2,940	9.7	1.9	23.2%	21.7%
ACB	Ngân hàng	33.4	0.0%	1.0	3,924	4.4	3,599	9.3	2.1	30.0%	25.8%
BMP	Nhựa	58.1	-0.5%	0.7	207	0.1	2,574	22.6	2.1	84.3%	9.1%
NTP	Nhựa	61.0	0.0%	0.5	312	0.5	3,574	17.1	2.6	18.5%	15.4%
MSR	Tài nguyên	27.6	1.1%	0.7	1,319	0.5	39	707.7	2.2	10.1%	0.3%
HPG	Thép	46.6	0.1%	1.1	9,053	29.0	7,087	6.6	2.5	24.2%	45.6%
HSG	Thép	35.2	1.9%	1.4	754	7.1	8,806	4.0	1.6	8.6%	49.6%
VNM	Tiêu dùng	86.4	0.1%	0.6	7,851	5.6	4,511	19.2	5.8	54.5%	31.2%
SAB	Tiêu dùng	152.3	0.0%	0.8	4,246	1.2	5,883	25.9	4.6	62.7%	18.7%
MSN	Tiêu dùng	156.0	1.5%	0.9	8,007	9.9	2,031	76.8	8.6	32.0%	11.4%
SBT	Tiêu dùng	23.5	0.2%	1.2	641	2.7	1,066	22.0	1.8	7.5%	8.3%
ACV	Vận tải	82.0	0.0%	0.8	7,761	0.3	577	142.1	4.8	3.7%	3.4%
VJC	Vận tải	125.8	1.0%	1.1	2,962	4.9	279		4.0	16.5%	0.9%
HVN	Vận tải	24.9	5.5%	1.7	2,397	8.5	(6,523)		23.0	6.0%	-267.4%
GMD	Vận tải	48.9	0.4%	1.0	641	3.1	1,443	33.9	2.5	40.7%	7.4%
PVT	Vận tải	23.9	2.4%	1.3	336	2.0	2,443	9.8	1.6	13.0%	16.4%
VCS	Vật liệu xây dựng	116.3	-0.3%	0.9	809	0.5	10,231	11.4	3.9	3.7%	42.0%
VGC	Vật liệu xây dựng	58.2	7.0%	0.4	1,135	8.6	2,122	27.4	3.9	3.6%	14.7%
HT1	Vật liệu xây dựng	25.5	-1.7%	0.9	423	3.9	1,212	21.0	1.7	2.8%	8.2%
CTD	Xây dựng	90.5	0.7%	1.0	291	4.0	727	124.5	0.8	45.9%	0.7%
CII	Xây dựng	29.9	7.0%	0.6	311	3.0	12	2525.0	1.5	19.2%	0.1%
REE	Điện	69.4	1.9%	-1.4	933	1.0	5,541	12.5	1.7	49.0%	14.7%
PC1	Điện	40.4	1.0%	-0.4	413	3.7	2,804	14.4	2.1	5.3%	16.5%
POW	Điện	16.2	-0.3%	0.6	1,649	22.0	1,240	13.1	1.3	2.8%	10.0%
NT2	Điện	24.4	0.0%	0.5	305	1.6	2,063	11.8	1.7	14.7%	14.5%
KBC	Khu công nghiệp	55.6	1.5%	1.1	1,377	19.1	1,706	32.6	2.0	15.6%	7.2%
BCM	Khu công nghiệp	55.5	3%	1.0	2,498	1.2			3.8	1.8%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	82.10	1.48	1.35	6.50MLN
GVR	38.50	2.67	1.04	2.82MLN
BID	45.50	2.02	0.94	2.48MLN
HVN	24.90	5.51	0.75	8.01MLN
MSN	156.00	1.50	0.70	1.46MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VPB	0.00	-0.46	11.57MLN	1.11MLN
TPB	0.00	-0.46	4.68MLN	607060
VCB	0.00	-0.38	1.04MLN	373600
NVL	0.00	-0.34	4.33MLN	192700
HDB	0.00	-0.34	6.20MLN	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
FLC	16.05	7.00	0.19	31.56MLN
AGG	47.40	7.00	0.07	1.48MLN
TNI	8.26	6.99	0.01	1.72MLN
VCF	273.90	6.99	0.12	1300
SVC	139.30	6.99	0.08	36200

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
LAF	23.65	-6.89	-0.01	300
TNC	34.20	-5.00	-0.01	2200
CIG	13.55	-4.58	-0.01	268500.00
NVT	11.00	-4.35	-0.01	4200
TIX	34.00	-3.68	-0.01	11700

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
IDC	90.70	4.37	1.50	5.08MLN
CEO	41.00	7.61	0.78	5.00MLN
L14	263.60	7.11	0.57	94400
SHS	52.00	1.56	0.43	6.76MLN
NVB	28.50	1.06	0.22	137100

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
APS	38.40	-3.76	-0.16	3.28MLN
BAB	22.60	-0.44	-0.12	51800
OCH	10.20	-4.67	-0.08	1.17MLN
VIT	17.30	-6.49	-0.05	171500
BCC	27.00	-2.53	-0.05	3.16MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

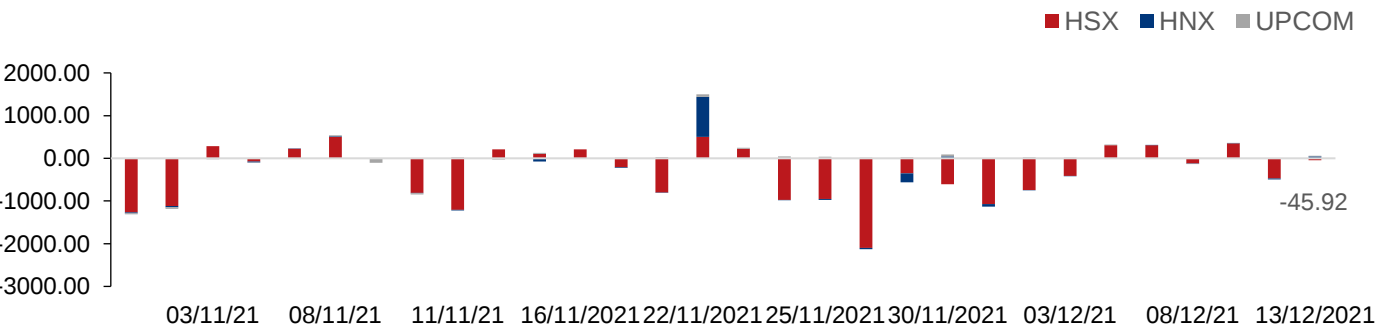
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PTI	47.30	10.0	0.15	153600
DPC	24.30	10.0	0.00	600
SDA	34.30	9.9	0.12	317000
QHD	40.10	9.9	0.03	500
CMS	33.50	9.8	0.03	228900.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BST	18.90	-10.00	0.00	2200
NHC	31.50	-10.00	-0.01	100
LDP	33.40	-9.97	-0.01	51500
QST	13.20	-9.59	-0.01	500
CX8	8.40	-7.69	0.00	1700

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	AGG	Bất động sản	Mua	19/05/21	62.1	N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	Click
2	ANV	Thủy sản	Mua	27/06/21	32.4	38.7	35.3	1,267	27.9	1.9	Click
3	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	22.1	-909	#N/A N/A	2.2	Click
4	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	N/A	41.0	-511	#N/A N/A	3.8	Click
5	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	48.2	3,855	12.5	2.0	Click
6	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	79.1	8,518	9.3	1.9	Click
7	DCM	Bán lẻ	Mua	1/4/21	17.5	21.1	37.4	1,701	22.0	3.0	Click
8	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	96.5	115.0	179.0	7,258	24.7	6.2	Click
9	DGW	Bán lẻ	Mua	24/2/21	92.1	110.3	127.0	4,942	25.7	7.7	Click
10	DPG	Bất động sản	KQ	10/6/21	39.3	N/A	80.0	5,988	13.4	4.0	Click
11	DPM	Bán lẻ	Mua	11/3/21	19.1	23.0	50.0	4,018	12.4	2.2	Click
12	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	34.2	2,633	13.0	2.3	Click
13	DXG	Bất động sản	Mua	10/5/21	23.4	30.2	34.1	1,299	26.3	2.4	Click
14	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	28.5	839	34.0	1.7	Click
15	FPT	CNTT	KQ	18/8/21	93.8	107.0	96.0	4,443	21.6	5.1	Click
16	GAS	Dầu khí	Mua	6/9/21	90.4	109.4	98.0	4,283	22.9	3.8	Click
17	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	46.6	7,087	6.6	2.5	Click
18	HSG	VLXD	Theo dõi	14/5/21	37.4	47.8	35.2	8,806	4.0	1.6	Click
19	HUT	XD-BDS	Theo dõi	20/5/21	6.5	7.6	18.6	-1,113	#N/A N/A	1.8	Click
20	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	23.7	1,655	14.3	1.1	Click
21	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	19.6	1,251	15.7	1.4	Click
22	KDH	Bất động sản	Theo dõi	31/8/21	39.8	N/A	49.6	1,856	26.7	3.3	Click
23	LHG	BDS khu CN	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	51.4	6,706	7.7	1.8	Click
24	LTG	Nông nghiệp	Mua	23/3/21	35.8	41.8	37.0	3,858	9.6	1.1	Click
25	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	87.9	8,024	11.0	2.9	Click
26	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	134.9	6,130	22.0	5.1	Click
27	NKG	Thép	Nắm giữ	1/9/21	39.5	46.5	37.9	9,467	4.0	1.6	Click
28	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	59.8	4,331	13.8	2.6	Click
29	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	24.4	2,063	11.8	1.7	Click
30	PC1	Điện	Mua	7/6/21	26.8	32.8	40.4	2,804	14.4	2.1	Click
31	PET	Bán lẻ	Mua	2/3/21	17.7	21.2	31.4	2,201	14.3	1.6	Click
32	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	98.5	4,214	23.4	4.0	Click
33	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	98.5	4,214	23.4	4.0	Click
34	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	16.2	1,240	13.1	1.3	Click
35	REE	Điện	Mua	19/3/21	56.2	68.5	69.4	5,541	12.5	1.7	Click
36	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	23.5	1066.2	22.0	1.8	Click
37	SGP	Cảng biển	Mua	13/7/21	21.1	25.0	34.9	1,064	32.8	3.6	Click
38	SMC	Bán lẻ	Mua	13/5/21	39.6	48.6	44.2	16,115	2.7	1.2	Click
39	SZC	BDS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	64.0	2,570	24.9	4.6	Click
40	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	26.4	3,114	8.5	3.0	Click
41	VGT	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	27.8	570	48.8	2.2	Click
42	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	64.8	4,475	14.5	2.1	Click
43	VNM	Tiêu dùng bán lẻ	Mua	19/8/21	90.0	105.6	86.4	4,511	19.2	5.8	Click
44	VRE	Bất động sản	Theo dõi	16/8/21	28.1	34.1	30.5	954	31.9	2.3	Click
45	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	44.2	3306.9	13.4	2.1	Click
46	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	28.9	1,559	18.5	1.8	Click
47	VTP	BCVT	Mua	28/4/21	80.5	87.1	73.8	3,256	22.7	6.3	Click



Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
2	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
4	Vĩ Mô Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
5	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
6	Vĩ mô Thị trường Quý III 2021	x		Click
7	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
8	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
10	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
11	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
12	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
13	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
14	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
16	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
17	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
18	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
19	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
20	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
21	Banking Sector Outlook		x	Click
22	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
23	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
24	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
25	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
26	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
27	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
28	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
29	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
30	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
31	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
32	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
33	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
34	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
35	Fishery Outlook 2021		x	Click
36	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
37	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
38	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
39	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
40	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
41	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
42	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639